

Số: 582 /TB-BVNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

## THÔNG BÁO

*V/v Mời chào giá mua sắm thuốc bổ sung của nhà thuốc bệnh viện Nguyễn Trãi năm 2026 – đợt 2*

Kính gửi: Các công ty kinh doanh thuốc

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Bệnh viện Nguyễn Trãi thông báo đến quý công ty có nhu cầu cung ứng thuốc tại nhà thuốc Bệnh viện Nguyễn Trãi năm 2026 vui lòng cung cấp hồ sơ chào giá theo các nội dung sau đây:

- Danh mục hàng hóa: theo danh mục chi tiết đính kèm
- Hồ sơ chào giá: theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm
- Mẫu bảng chào giá: theo Phụ lục 3 đính kèm
- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: Đến tháng 12/2027
- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nhận báo giá
- Hình thức nộp hồ sơ:

+ Nộp hồ sơ giấy tại Phòng Nghiệp vụ Dược – Lầu 2 – Khu Khoa Khám bệnh - Bệnh viện Nguyễn Trãi (địa chỉ: 314 Nguyễn Trãi, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh)

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày ...08.../...5.../2026 đến hết 16 giờ ngày  
..18.../...5.../2026

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD (NTAT).

**GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Quách Thanh Hưng**

**DANH MỤC THUỐC MUA SẴM BỔ SUNG CỦA NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NGUYỄN TRÃI  
NĂM 2026 - ĐỢT 2**

(Đính kèm Thông báo số: 582/TB-BVNT ngày 02 / 5 / 2026 của bệnh viện Nguyễn Trãi)

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
<b>I. THUỐC GENERIC</b>						
1	Acid Ascorbic (Vitamin C)	1000mg	Uống	Viên sủi	Viên	Nhóm 1
2	Acid Thiocctic	600mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
3	Acid tranexamic	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	Nhóm 4
4	Almagate	1,5g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/gói	Nhóm 2
5	Ambroxol hydrochloride	15mg	Ngậm	Viên	Viên	Nhóm 5
6	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate)	5mg; 20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
7	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate)	5mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
8	Arginine Hydrochloride	800mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/gói	Nhóm 4
9	Avanafil	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
10	Bambuterol hydrochlorid	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
11	Benserazide; Levodopa	50mg; 200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
12	Bismuth tripotassium dicitrat	300mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
13	Bisoprolol fumarate; Perindopril arginine	5mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
14	Bisoprolol fumarate; Perindopril arginine	5mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
15	Calci ; Cholecalciferol	500mg + 1,25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
16	Canxi + Phospho + Vitamin D3 + Vitamin K1	120mg + 55mg + 2mcg + 8mcg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1
17	Carbomer	0,2% (2mg/g)	Nhỏ mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	Nhóm 1
18	Clarithromycin	500 mg	Uống	Viên	viên	Nhóm 2

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
19	Cyanocobalamin	1000mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
20	Dabigatran (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	110 mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2
21	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin HCL)	30mg	Uống	Viên	viên	Nhóm 4
22	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin HCL)	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
23	Dầu cá ngừ tự nhiên (chứa: Eicosapentaenoic acid; Docosahexaenoic acid; Omega-3 marine triglycerides)	Dầu cá ngừ tự nhiên (chứa: Eicosapentaenoic acid 60mg; Docosahexaenoic acid 260mg; Omega-3 marine triglycerides 320mg) 1g	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1
24	Dexlansoprazol	60 mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Viên	Nhóm 5
25	Duimum	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
26	Duloxetine	30mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
27	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
28	Epoetin beta	4000IU/0,3ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm	Nhóm 1
29	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3
30	Gemfibrozil	300mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2
31	Glucosamin (dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid)	750mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
32	Glucosamin sulfat; Chondroitin sulfat	750mg + 250mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
33	Glycine; L- Arginin hydroclorid; L-Histidin hydroclorid monohydrat; L-isoleucin; L-leucin; L-Lysin hydroclorid; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin	Mỗi gói chứa: Glycine 242mg; L-Arginin hydroclorid 140mg; L-Histidin hydroclorid monohydrat 70mg; L-isoleucin 134mg; L-leucin 152mg; L-Lysin hydroclorid 168mg; L-Methionin 134mg; L-Phenylalanin 90mg; L-Threonin 90mg; L-Tryptophan 46mg; L-Valin 134mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
34	Hydroxypropyl methylcellulose	0,3% (w/v) - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
35	Hydroxypropyl methylcellulose 2910 + Dextran 70	Mỗi 15ml chứa: 45mg +15mg; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 5

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
36	Indapamide, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	1,5mg + 5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	Nhóm 1
37	Insulin trộn (70/30)	100UI/ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	Nhóm 1/2/3/4/5
38	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
39	Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	4mg/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/gói	Nhóm 4
40	Levothyroxine sodium	0,1mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
41	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin + L-valin + L-tryptophan + L-Histidin hydrochlorid monohydrat + L-Methionin	320,3mg + 203,9mg + 291mg + 320,3mg + 145,7mg + 233mg + 72,9mg + 216,2mg + 320,3mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
42	Losartan kali	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
43	Luseogliflozin (dưới dạng Luseogliflozin hydrate)	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
44	Mirtazapine	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
45	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	(19g + 7g)/118ml; 133ml	Thụt trực tràng/hậu môn	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
46	Natri Carboxymethyl cellulose	75mg/15ml; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
47	Natri Polystyren Sulfonat	15g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
48	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	Nhóm 1
49	Paracetamol; Caffeine	Paracetamol 500mg; Caffeine 65mg	Uống	Viên sủi	Viên	Nhóm 2
50	Pembrolizumab	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
51	Pembrolizumab	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
52	Perindopril arginine; Amlodipine	5mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
53	Perindopril arginine; Amlodipine	7mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
54	Perindopril arginine; Indapamide	5 mg + 1,25 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
55	Pinene + Camphene + Cineol + Fenchone + Borneol + Anethol	31mg + 15mg + 3mg + 4mg + 10mg + 4mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 5
56	Piracetam	800mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/gói	Nhóm 4
57	Piracetam	800mg	Uống	Viên	viên	Nhóm 1
58	Piracetam + Vincamin	400mg + 20mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
59	Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	24,3mg và 25,7mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 56,551mg)	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
60	Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	48,6mg và 51,4mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 113,103mg)	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
61	Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	97,2mg và 102,8mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 226,206mg)	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
62	Sắt (III) Hydroxide Polymaltose và Acid Folid BP	100mg; 500mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
63	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
64	Sofosbuvir; Velpatasvir	400mg; 100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
65	Sorbitol	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
66	Sulpirid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
67	Tacrolimus	0,1% (kl/kl)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
68	Tadalafil	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
69	Tadalafil	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
70	Tenofovir alafenamide	25mg	Uống	Viên	viên	Nhóm 2
71	Testosterone	50mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/gói	Nhóm 1
72	Thiamazol	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
73	Thiamazol	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
74	Tiaprofenic acid	200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
75	Tocilizumab	162mg/0,9ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm	Nhóm 1
76	Trimetazidin dihydrochloride	80mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	Nhóm 1
77	Tyrothricin + Benzalkonium chloride + Benzocaine	0,5mg + 1mg + 1,5mg	Ngậm	Viên	Viên	Nhóm 1
78	Ubidecarenone; Vitamin E	30mg; 6,71mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1
79	Ursodeoxycholic acid	250mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
80	Vitamin A	5000 IU	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
81	Acetylleucine	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
82	Levodopa + Carbidopa (khan)	250mg +25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5
83	Bromfenac natri hydrat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
84	Xanh methylen + Tím gentian	400mg/20ml, 50mg/20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
85	Ethanol 96%	43,75ml; 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
86	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	0,4% + 0,3%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
87	Rifaximin	550mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
88	Tenofovir alafenamide	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
89	Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Cyanocobalamine + Cholecalciferol + D-Biotin + Dexpanthenol tương đương Pantothenic acid + DL alpha-tocopherol tương đương alpha-tocopherol + Folic acid + Retinol palmitate tương đương Retinol + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Nicotinamide	Acid Ascorbic 125mg; Cocarboxylase tetrahydrate 5,8mg tương đương Thiamine 3,51mg; Cyanocobalamine 0,006mg; Cholecalciferol 220 IU; D-Biotin 0,069mg; Dexpanthenol 16,15mg tương đương Pantothenic acid 17,25mg; DL alpha-tocopherol 10,2mg tương đương alpha-tocopherol 11,2 IU; Folic acid 0,414mg; Retinol palmitate tương đương Retinol 3500 IU; Riboflavin dihydrate sodium phosphate 5,67mg tương đương Riboflavin 4,14mg; Pyridoxine hydrochloride 5,5mg tương đương Pyridoxin 4,53mg; Nicotinamide 46mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống	Nhóm 1
90	Bosentan	125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
91	Bosentan	62,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1

STT	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
-----	---------------------------	--------------------	------------	--------------	-------------	-----------

## II. THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

1	Cao khô <i>Carduus marianus</i> (tương đương Silymarin toàn phần 70 mg) + Cao khô diệp hạ châu + Cao khô ngũ vị tử + Cao khô nhân trần + Curcuminoids (Chiết xuất từ nghệ <i>Curcuma longa</i> L.)	140mg, 200mg, 25mg, 50mg, 25mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3
2	Cao khô lá Bạch quả ( <i>Extractum Folii Ginkgo siccus</i> ) (tương đương với không dưới 13,68mg Ginkgo flavonoid toàn phần)	60mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3

## PHỤ LỤC 1

### HỒ SƠ CHÀO GIÁ THUỐC

**Công ty cần cung cấp các hồ sơ sau:**

- 1) Bảng chào giá theo mẫu phụ lục 3
- 2) Bản cam kết theo mẫu phụ lục 2
- 3) Hồ sơ thể hiện tư cách hợp lệ của công ty (bản sao có công chứng/chứng thực), bao gồm:
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
  - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
  - Giấy chứng nhận đạt thực hành tốt phân phối thuốc (GDP)
- 4) Hồ sơ về tính hợp lệ của sản phẩm (sao y công ty)
  - Giấy phép lưu hành sản phẩm
  - Thông tin về kết quả trúng thầu trước đó trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày cung cấp hồ sơ (*thể hiện trong bảng chào giá*). Đối với các sản phẩm là hoạt chất, hàm lượng duy nhất được cấp số đăng ký lưu hành (tính đến ngày hết hạn nộp báo giá) sau năm 2024, nếu chưa có kết quả trúng thầu, công ty có thể cung cấp thông tin 03 hóa đơn cung ứng cho 03 cơ sở y tế trên toàn quốc và giá chào hàng phải là giá thấp nhất đã từng cung ứng.
  - Các hồ sơ khác thể hiện tính hợp lệ của sản phẩm (nếu có)

Các hồ sơ tại mục 1 và 2 phải do người đại diện hợp pháp của công ty ký tên.

**Công ty sắp xếp hồ sơ theo thứ tự như trên.**



## PHỤ LỤC 2

Công ty.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Nguyễn Trãi

Công ty..... trân trọng gửi bằng chào giá đối với nhà thuốc bệnh viện và cam kết các nội dung sau:

1. Giá thuốc đề nghị cung ứng tại nhà thuốc là tuân thủ và phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về giá bán buôn.

2. Đối với thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại với thuốc đã trúng thầu và cung ứng tại bệnh viện Nguyễn Trãi (bao gồm thuốc mua sắm tập trung và đàm phán giá) thì giá cung ứng cho nhà thuốc bệnh viện không được cao hơn giá đang cung ứng tại bệnh viện.

3. Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng thuốc tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Bảo quản và phân phối hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu quy định trong suốt quá trình vận chuyển.

5. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc tính từ thời điểm cung ứng cho nhà thuốc phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

6. Cam kết thu hồi sản phẩm vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu sản phẩm đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của nhà thuốc.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp pháp của tất cả các tài liệu cung cấp cho bệnh viện.

Trân trọng./.

**Đại diện hợp pháp của công ty**  
(ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC 3

CÔNG TY: .....  
 MÃ SỐ THUẾ: .....  
 ĐỊA CHỈ: .....  
 SỐ ĐIỆN THOẠI: .....

**BẢNG CHÀO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Nguyễn Trãi  
 Theo thông báo mời chào giá số ..... của Bệnh viện Nguyễn Trãi, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT trong danh mục mời chào giá	STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Giấy ĐKKH/GPNC	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Giá bán buôn dự kiến (VNĐ)	Thông tin kết quả trúng thầu trước đó					
															Nơi trúng thầu	Số Quyết định trúng thầu	Ngày Quyết định	Mã thông báo mời thầu trên HTMTBQTG	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày kể từ ngày...../...../.....

❖ Ghi chú:

- Đơn giá chào hàng (cột số (14)) không được cao hơn đơn giá trong quyết định trúng thầu trước đó đã kê khai trong bảng (cột số (20))

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của công ty**  
 (ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

